

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v “Không công nhận
là vợ chồng”

Về con chung: vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Đình T, sinh năm 1989; Nguyễn Duy A, sinh năm 1991 và Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1999. Hiện nay các con đã trên 18 tuổi, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Bùi Thị A trình bày: bà và ông Nguyễn Đình H sống chung như vợ chồng từ năm 1989, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi sống chung được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai ông bà không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, thực tế ông và bà đã sống ly thân từ 7 năm nay. Nay ông Nguyễn Đình H yêu cầu ly hôn bà thì bà Bùi Thị A đồng ý.

Về con chung: vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Đình T, sinh năm 1989; Nguyễn Duy A, sinh năm 1991 và Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1999. Hiện nay các con đã trên 18 tuổi, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 9, Điều 14, và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Đình H và bà Bùi Thị A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: ông Nguyễn Đình H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Bùi Thị A, ông H và bà A chung sống với nhau từ năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền; bị đơn bà A có nơi cư trú tại thôn B, xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Do đó, đây là vụ án “Không công nhận vợ chồng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình H và bà Bùi Thị A sống chung như vợ chồng từ năm 1989, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi sống chung được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai ông bà không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, thực tế đã sống ly thân từ 7 năm nay và không còn quan hệ vợ chồng.

Như vậy việc sống chung của ông H và bà A không tuân thủ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Việc kết hôn phải*

được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Do đó, căn cứ Điều 9, Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, không công nhận ông Nguyễn Đình H và bà Bùi Thị A là vợ chồng.

- Về nuôi con chung: ông H và bà A có 03 con chung là Nguyễn Đình T, sinh năm 1989; Nguyễn Duy A, sinh năm 1991 và Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1999. Hiện nay các con đã trên 18 tuổi, ông bà không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Đình H và bà Bùi Thị A.

2. Về con chung: ông Nguyễn Đình H và bà Bùi Thị A có 03 con chung là Nguyễn Đình T, sinh năm 1989; Nguyễn Duy A, sinh năm 1991 và Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1999. Hiện nay đã trên 18 tuổi, các đương sự không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: ông Nguyễn Đình H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009027, ngày 08/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Thăng Bình;
- Chi cục THADS huyện Thăng Bình;
- UBND xã Bình Quế;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Mỹ Trinh

